

# ĐẠI NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

## QUYỂN 8

### Phẩm 4: TRƯỜNG THỌ, (Phần 1)

“Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Các thầy đối với giới, luật” cho đến “Như lai sẽ giảng nói cho các thầy nghe để tâm các thầy được vui mừng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đức Phật muốn cho đại chúng hỏi về nhân sống lâu. Sống lâu vốn là vào sinh tử, bến tốt lành cứu giúp chúng sinh, lấy tâm từ làm gốc. Từ là cứu giúp, không đặt ra giới luật, khiến chúng sinh không gây ra các điều xấu ác, nhưng khiến cho thực hành mọi việc lành đó là cùng cực. Đã đặt ra giới luật, hễ có tội, thì phải bị trị, tức sự giống nhau không có lòng từ, nói là không có từ, nghĩa là không phải xuất phát từ nghi ngờ đối với giới luật, chính là giải thích căn bản của tuổi thọ, không thể không hỏi.

Hỏi về gốc của tuổi thọ là sự lý của Bồ-tát, chẳng phải là nổi do dự giả dối mà hàng Thanh văn đã thích ứng, cần phải tìm hiểu!”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trong đây nói, hoặc là việc tu hành của Tỳ-kheo, cho nên khuyên riêng: “Về giới luật, nếu các thầy còn có điều gì nghi ngờ, cho đến “Chớ cho rằng Như lai chỉ tu bản tánh vắng lặng của các pháp”. Đầu tiên, Đức Phật mở bày tông chỉ, nói bố thí là nhân sống lâu. Thuần-đà lấy việc hộ pháp làm nhân. Trong tông chỉ rộng, dùng ba pháp tu làm nhân. Dù nói ba nhân, nhưng chưa giải thích căn kẽ về gốc sống lâu. Nay, trước chỉ nêu giới, sau nêu trí, lược chỉ nêu điểm bắt đầu, sau cùng, để nói tất cả muôn hạnh đều là nhân sống lâu. Triển khai câu hỏi về tông chỉ của các vị Tỳ-kheo kia, nên ở đây, trước chỉ nêu giới luật.”

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Được nhân, quả trước kia là giải thích rõ về đầu mối tông chỉ của hai giáo. Nêu sơ lược từ trước đến nay, nêu cảnh để khuyên đại chúng nên hỏi, chỉ vì lý đã nêu ra là rất sâu sắc, nhiệm mầu, người Nhị thừa dù cho có hoài nghi, lo nghĩ cũng



không sánh bằng, nên chưa thể nêu lên câu hỏi. Đức Phật biết họ không thể, nên lại khuyên nên hỏi, để họ suy tìm có sự tồn tại.

Sở dĩ chỉ nêu giới luật để cho đại chúng đặt câu hỏi, vì giới luật là hạnh thiết yếu của người Thanh văn, là nền tảng đầu tiên của người vào đạo.

Lại, một nghĩa là người Thanh văn không nghi ngờ giới, không hướng về Đức Phật, nhưng nghi ngờ đối với giới, chưa hẳn là Thường.”

Lại, một nghĩa nữa là: “Dù cho người Thanh văn có nghĩ đến quả thường đi nữa, cũng chưa biết được giới này và giới xưa khác nhau thế nào? Đã ôm ấp nổi nghi ngờ này, nghi thì nên hỏi.”

Pháp Liên ghi lời của Tăng Tông rằng: “Phẩm chỉ nêu cảnh tuệ của “Không”, bất “Không”, để khuyên nêu câu hỏi. Nay, nêu ra nhân muôn hạnh của giới luật, để khuyến hỏi. Nếu nhân không hiểu rõ thì quả cũng không rõ ráo, mà nhân thì có giới, định, tuệ.

Cho nên hỏi riêng về giới luật, vì giới là đối tượng hành trì của Thanh văn. Do luật nghi giới giúp đỡ nên được giới định, được “Giới đạo cộng”.

Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời của Tăng Tông rằng: “Khuyên Tỳ-kheo thưa hỏi, gồm có ba lớp: Phẩm trước, dừng lại ở Ai Thán kia, tức là khuyến khích để cho hỏi, nhân tu đến đây. Nay, lớp thứ hai này lại khuyên. Sắp mở rộng về chỉ thú thường, mà vì giới là gốc của muôn điều lành, nên chỉ nêu giới để khuyên thưa hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là đoạn thứ tư, thúc giục chúng thưa hỏi. Giới là gốc của Thanh văn, cho nên chỉ nêu giới mà khuyên thưa hỏi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trên đây nêu các pháp để khuyên, e rằng các Tỳ-kheo kiêng sợ sự sâu sắc của lý thường, nên không dám nêu câu hỏi. Nay, chỉ nêu giới sự thực hành của thường, y cứ ở tình ý gần để khuyên.

Pháp sư Minh Tuấn nói: “Nhân thọ cúng dường trước kia, để mở bày tông chỉ thường, chỉ có Thuần-đà, lợi căn hễ nghe liền tỏ ngộ. Đặt ra năm lượt hỏi han, vấn nạn, để nói về pháp thân, Bát-nhã, Giải thoát, tức được nói về lần nữa từ lâu là ruộng thường. Nhưng vì chỉ thú về thường u huyền, mầu nhiệm, nên phải giải thích rộng. Do đại chúng bi ai sâu đậm, liền quên thưa hỏi để được giải quyết nghi vấn, vẫn thường thiết tha thỉnh Phật ở đời, bèn sinh ra biện luận một bên. Vì cho nên Phật phát ra ánh sáng để thôi thúc cúng dường, để nói về lần nữa về nghĩa tông chỉ. Lại, do Thuần-đà đã hiểu rõ hai chỉ thú của dấu vết xưa,

nên nói ăn không phải thật, chẳng lẽ thọ diệt là chân hay sao? Nên sau khi Thuần-đà ra đi, đại chúng đều im lặng.

Bấy giờ, mặt đất rung chuyển, Đức Phật cho đại chúng được nêu câu hỏi hàng đầu, mà rất xót xa lưu luyến. Hiểu rõ không có hỏi han thừa thĩnh, chỉ tỏ bày sâu sắc với nỗi khổ bi lụy thảm thiết. Ví dụ sấm sửa cúng phẩm, vừa kính mến vừa chê trách.

Khi ấy, Đức Thế tôn nhân hai bài kệ để ức chế tâm trạng buồn thảm của đại chúng, chỉ nêu tóm tắt, khuyên đại chúng thưa hỏi, chỉ nêu pháp môn, việc khuyên hỏi đều là chỉ thú của quả. Đức Phật quán tâm của đại chúng vẫn còn mê, bèn nói ba đức Niết-bàn, chứng được niết-bàn. Tỳ-kheo lại chấp giáo xưa, lại hết lòng thỉnh Đức Phật trụ ở đời. Phật dùng pháp tu đắc thắng để loại bỏ chấp. Dùng ví dụ thầy thuốc để hội giáo. Với nỗi khổ khóc than bi ai để thỉnh cầu Đức Phật trụ ở đời. Vì nỗi phân vân của đại chúng vừa chấm dứt, cho nên Đức Phật lược chỉ nêu nhân thường trụ, là giới, định, tuệ, nhằm khuyên đại chúng hãy thưa hỏi. Đây là lời khuyên thứ hai.

Sở dĩ trước chỉ nêu giới là vì Thập địa lấy đại bi làm đầu, năm giới lấy không giết hại làm trước. Dưới đây đáp về nhân sống lâu: “Đấng đại từ, đại bi truyền trao giới không giết hại, là nhân sống lâu, ưu tiên ở giới. Cho nên trước, Đức Phật khuyên nên hỏi.”

“Như lai đã tu học thông suốt tất cả các pháp với bản tánh vắng lặng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là nhân của trí.”

Pháp sư Tăng Tông nói Đức Như lai biết rõ bản tánh các pháp. Đã được gốc thì nắm ngọn, sẽ có đức rửa sạch nỗi hoài nghi, nên khuyên cứ hỏi.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Xưa, nói giữ giới được quả, chỉ được đoạn diệt vô vi không!” ý hiện nay của Đức Phật: “Xưa Như lai đã nói đoạn diệt vô vi không, chính là nhân của ngôi nhà thường trụ ngày nay. Về nghĩa này các thầy nên nghi ngờ, hãy theo đúng căn cơ mà hỏi.”

Pháp sư Trí Tú nói nêu đức bên trong của Phật.

Pháp sư Đạo Tuệ nói: “Trước, Đức Phật đã tu hành, được đến chỗ thường. Nay, chẳng lẽ ông được không tu các hạnh như giới v.v... ư?”

Minh Tuấn bàn: “Muôn hạnh, chung quy lấy giới, định, tuệ làm gốc. Câu trước chỉ nêu giới, câu này chỉ nêu định tuệ, bản tánh là không, nghĩa là cảnh của tuệ. Tịch là định. Văn dưới nói: “Tỳ-kheo liền nói lại ba chỉ thú này rằng không thể nghĩ bàn.”

“Nầy các Tỳ kheo các thầy chớ nghĩ rằng, Như lai chỉ tu các pháp

bản tánh vắng lặng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói Muôn hạnh đều là nhân.

Pháp sư Tăng Tông nói “Không” chẳng khác xưa, e rằng nổi nghi ngờ của các Tỳ-kheo kia chấm dứt, lại nêu, bất không, phát ra câu hỏi kia.”

“Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo. Nếu đối với giới luật, có điều gì nghi ngờ, các thầy nên hỏi.”

“Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng” cho đến “không có trí tuệ để hỏi đạo Như lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quả Phật sâu xa, mầu nhiệm, trí của chúng con nhỏ nhoi, nông cạn, không thể hỏi. Dạy bảo tức là giới luật.”

Minh Tuấn nói: “Giải thích lý do không thể hỏi, tức lãnh hội ba chỉ thú trên, đều không thể nghĩ bàn. Cảnh giới: Tức chỉ nêu tánh không ở trên. Các định: Tức nêu lên nghĩa vắng lặng ở trên. Dạy bảo: Tức là nói giới luật trên.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như ông lão thọ một trăm hai mươi tuổi” cho đến “Đối với các giới luật sẽ hỏi về điều gì?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Như lai bảo nên hỏi, tất nhiên là muốn lưu thông, mà các Thanh văn lại không trụ, có ba lý do:

1. Vì trí nông cạn.
2. Vì tuổi thọ ngắn.
3. Không có quyền thuộc.

Vì thế, nên không thể che chở giữ gìn chánh pháp.”

“Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay, các thầy” cho đến “Có các nghi ngờ, cho phép được hỏi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tỳ-kheo ngổ lời, chưa có đối tượng để tìm cầu. Vì muốn cho các Tỳ-kheo tìm cầu các Bồ-tát, cho nên lại răn bảo.”

“Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn!” cho đến “Bấy giờ, các Thanh văn ngồi yên lặng.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thấy lời lẽ của mình không kham, bèn tiến cử người có khả năng.”

Pháp sư Tuệ đản nói: “Trước, ý khuyên hỏi, muốn cho các Tỳ-kheo dùng ví dụ để tự bày tỏ. Sau, ý khuyên nên hỏi, khiến cho tìm cầu người có khả năng là Bồ-tát. Vì sao? Vì Đại sĩ ngồi trong đây, sinh hiểu biết của phẩm hạ, về sau, lại sinh kiến giải của phẩm trung, thượng, cho nên suy cử.”

Hai mươi lăm tuổi, là người trí lực mạnh mẽ, nhạy bén, hiểu biết thường đầy đủ, dự cho sự tốt đẹp, tu đủ muôn điều lành, dự cho nhiều pháp tài. Nhờ hiểu về thường của phẩm mẫu nhiệm quá khứ, nên sinh hiểu biết hiện tại, dự cho cha mẹ. Do hiểu biết phẩm trung ở hiện tại, nên sinh hiểu biết phẩm thượng ở vị lai, dự cho vợ con. Mỗi phẩm đều có chủng loại, dự cho bà con giòng họ thân thuộc, vì chung một hiểu biết, nên nói “đều tồn tại”. Như lai dự cho người trí. Lý thường dự cho vàng, báu. Văn ở dưới nói: “Niệm niệm diệt, dự cho bệnh nặng, qua đời, cảm thảng giải sâu, vì dạy quyến thuộc gia đình. Do hiểu biết tồn tại, nên về lý được sáng tỏ, về nghĩa nói là được trở lại.”

“Bấy giờ, Đức Phật khen các Tỳ-kheo” cho đến “Để cho pháp mẫu nhiệm này được ở lâu trên đời.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tâm La-hán, là ít muốn, biết đủ. Do hai duyên này, nghĩa là người Thanh văn không hội đủ ba việc trên, Bồ-tát có đủ ba việc.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Do hai duyên này:

1. Vì người Thanh văn không có quyến thuộc.
2. Vì Bồ-tát có nhiều quyến thuộc.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “có hai nhân duyên:

1. Khéo léo hay hỏi đáp, hiện tại có lợi ích.
2. Vì khiến ở đời lâu, vị lai có lợi ích”.

Pháp sư Tuệ Đản: “Có hai nhân duyên:

1. Vì có thể hỏi.
2. Vì có thể nói.”

Minh Tuấn nói có: “Hai lý do:

1. Có khả năng làm cho pháp bảo được ở đời lâu.
2. Làm lợi ích, yên vui cho chúng sinh.”

“Đức Phật bảo toàn thể đại chúng” cho đến “Đức Phật tuyên bố luôn ba lần như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Mạng sống lâu là quả cùng cực. Năm giới, ba quy y là bắt đầu của nhân. Chỉ nêu nhân, quả để khuyên.”

Minh Tuấn nói: “Phẩm trước khuyên hỏi về “Không”, bất không v.v... là chỉ nêu riêng về quả, mà đầu tiên của phẩm này lại chủ trương giới, định, tuệ là chỉ nêu riêng về nhân. Nay nêu hoặc năm giới, hoặc ba quy y là nêu cả nhân, quả. Giới là gốc của muôn hạnh. Quy là nhất thể Tam bảo.

Dưới đây, là phẩm Nhập Đại Chúng Vấn, là đoạn hai trong nói

lược, tức lấy hỏi, đáp làm hai lượt. Trong phần hỏi có hai lớp:

1. Vì hỏi dần, tức văn xuôi.
2. Chính là đang hỏi, tức là kệ.

Trong văn xuôi có bốn lượt:

1. Đức Phật dạy bảo khắp.
2. Tôn giả Ca-diếp vâng lời Phật dạy.
3. Phật liền chấp nhận.
4. Ngài Ca-diếp phát ra ánh sáng. Đây là câu hỏi thứ nhất.”

“Bấy giờ, trong đại chúng có một vị Đại Bồ-tát tuổi còn nhỏ” cho đến “Nếu Đức Như lai cho phép, con mới dám hỏi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Bồ-tát Ca-diếp tự nghi ngờ, dù được xếp vào hàng đại chúng, nhưng vẫn sợ rằng, mình không phải là người thích ứng với lời Đức Phật đã dạy răn, nên có lời thưa hỏi.”

“Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Như lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri” cho đến “sẽ giải quyết điều nghi ngờ của ông, để ông được vui mừng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chỉ nêu ba danh hiệu Phật, để nói Đức Phật chẳng có pháp nào mà Ngài không biết. Có hỏi, đều có khả năng đáp.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Và nhân gốc lành oai đức của đại chúng, mà thưa hỏi ít điều thôi.”

Minh Tuấn nói: “Lời khiêm nhường phát ra ánh sáng để vâng chỉ.”

“Bồ-tát Ca-diếp ở trước Phật nói kệ hỏi rằng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây, thứ hai là phần thưa hỏi. Gồm có ba mươi bốn câu hỏi: có bốn đoạn: Đoạn thứ nhất là lược, đoạn thứ hai là rộng, đoạn thứ ba là khuyên tin, đoạn thứ tư là hỏi về tu hành. Trong đoạn một có bốn câu hỏi:

Hai câu đầu hỏi về quả, câu thứ ba hỏi về nhân, câu thứ tư hỏi về tên Kinh và công đức truyền bá Kinh. Thể Kinh đã khắp, gọi là rốt ráo bờ bên kia.

Trong đoạn thứ hai có mười sáu câu hỏi: Từ “Mở bày mẫu nhiệm, sâu kín” cho đến “Thiên, ý, thọ”. Trong đây, nói rộng có bốn lớp: Một câu hỏi đầu, nói rộng về quả. Kế là, từ “Từ được rộng lớn v.v...” v.v... trở xuống cho đến bốn đảo cuối cùng, có bốn câu hỏi, truyền bá rộng khắp và dựa vào nghĩa của con người. Kế là, có hai câu hỏi: Hỏi về nghiệp lành và khó thấy tánh, vì nhân rộng. Kế là, có chín câu hỏi:

Từ “Giải thích chữ Mãn” cho đến “Thiên, ý, thọ”: Công đức của

văn tự rộng.”

Trên đây, gồm hai mươi câu hỏi, rộng lược đã nói xong.

Trong đoạn ba có mười câu hỏi khuyến tin, vì Đức Phật do nhân mà chứng đắc. Lại, nói Niết-bàn là Thường, nếu không còn dùng sự giải thích thì vì đời khó tin, nên đặt ra mười câu hỏi để giải thích:

1. Ý hỏi: “Nếu Đức Phật từ “Duyên” vô tánh thì không nên thường riêng?” dưới đây là đáp: “Dù từ duyên được, nhưng có “Hoặc” thì vô thường, không có “Hoặc” thì Thường.”

Câu thứ hai, thứ ba chỉ nêu quả để khuyên tin. Trước, chỉ nêu bên ngoài, sau chỉ nêu bên trong. Câu thứ tư, thứ năm, nói có Đấng Đại Từ, như cha mẹ thế gian. Điều tâm từ nói, không lừa dối chúng sinh. Câu thứ sáu nói Niết-bàn, thị hiện không thật.

“Đức Phật thường” v.v... trở xuống, có bốn câu hỏi, làm chứng thị hiện, vì sao? Vì Đức Phật không ăn mà thọ thực, không bệnh mà thị hiện nằm, nên biết không diệt mà hiện diệt. Kế là có hai câu hỏi, nói hiện tại biết thường, thọ vui. Đời sau, biết được hữu dư, vô dư, công đức hóa độ đã xong, cho nên ứng hiện. Câu thứ chín, chứng minh không bệnh. Câu thứ mười, nói về bệnh, nói diệt, đều là Mật giáo.

Trong đoạn thứ tư có bốn câu hỏi:

Dựa vào Kinh tu hành, tức năm hạnh, cho nên hỏi về hạnh.

Ở trên nói công đức của Kinh có khả năng chữa trị bốn tội trọng, năm tội nghịch. Chữa trị, tất nhiên là tu hành. Thực hành năm hạnh này, cũng không chữa trị được sai lầm của chính mình. Câu thứ hai, giải thích lý do sai lầm, do chuyển biến gần mà thành sai lầm, bèn nêu năm người xa, gần làm chứng. Câu thứ ba thỉnh Phật nói về nghĩa Hành. Câu thứ tư, hỏi về tánh, nói về tánh có nhân, quả. Hành có trái, theo, thức tánh thì theo, tức hỏi về sự tử rỗng. Không nhận thức tánh là nghịch, tức câu hỏi của Bồ-tát Ca-diếp. Kế là hai bài kệ nói về nhân quả mộng mênh của Niết-bàn. Về câu hỏi thì không thể hết, cho nên không hỏi. Điều mà Pháp sư Bảo Lượng đã phán quyết, đồng với thuyết này, ở đây không chép lại.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Thứ nhất có bốn câu hỏi, chính là nói về thể của Kinh, nhân quả của sống lâu là kết thác tên Kinh. Thứ hai là mở rộng chỗ sâu kín, cho đến quán Tam bảo, có mười sáu câu hỏi, nói rộng về quả trên và truyền bá tên Kinh.

Thứ ba là từ “Ba thừa hoặc vô tánh” cho đến “Nói pháp sâu kín có mười câu hỏi để khuyên tin.

Thứ tư nói về các hạnh mẫu nhiệm, có ba câu hỏi, hỏi về nhờ Kinh



mà tu hành.

Thứ năm là đều có tánh an vui, một câu hỏi là nói dựa vào Kinh mà thực hành, thứ lớp tu hành.

Thứ sáu, nay muốn hỏi về các ấm, một là hỏi để Kiều-trần-như đáp:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đại yếu của Kinh này, lấy quả thường làm tông chỉ. Trước kia Thuần-đà do bố thí mà nói về thường, vì nghĩa thì lược. Nay, Bồ-tát Ca-diếp đặt nhiều câu hỏi, để bày tỏ lại chỉ thú trước qua hai lần hỏi rộng, lược. Vì sao lấy nhiều tỳ giáo riêng lẻ để nói về thường? Nay, lập ra hỏi đáp để tiếp nhận lấy sự tỏ ngộ. Tuy nhiên, Chỉ thú lớn của hỏi đáp là luận nhân, nói quả, để nói về cảnh, nói hạnh. Đầu mối dù nhiều, nhưng chủ yếu không ngoài hai lượt hỏi đáp này, vì thể của câu hỏi lấy xa ý đáp, cho nên chỉ thú của nghĩa thường phù hợp nhau, không vượt qua ý chỉ Kinh.

Y theo câu hỏi này, chia ra tiết mục, lược có bốn phần: Thứ nhất có mười ba câu hỏi, nói về nhân quả thường trụ, kế là mười chín câu hỏi khen công năng của Kinh. Kế là có một câu hỏi nói dựa vào Kinh, mà sinh ra hạnh. Kế là một câu hỏi nói về cảnh được chiếu soi.

Căn cứ bốn phần này, mỗi phần đều có rộng, lược. Mở rộng thì có tám, hợp lại thì thành bốn, trong đó gồm có các chi tiết riêng. Vì cho nên lấy bốn phần làm đầu mối của việc hỏi đáp kia.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Về chỉ thú của lời khuyên đã rõ, còn về thời gian nên hỏi”. Vì căn cơ ở tại Bồ-tát Ca-diếp, nên nghe lời Phật dạy bảo.

Về lời hỏi, đại khái có ba mươi bốn, dùng nghĩa để chia, thì lược thành ba đoạn? Về chỉ quy của Kinh, dùng quả cùng cực làm tông. Nhưng lý do của quả chẳng phải nhân không mà đến, nên đầu mối của lời hỏi han thưa thỉnh, thì phải được ưu tiên.

Vì thế, nên thứ nhất, từ bắt đầu đến rốt ráo cho đến “Bên kia bờ”, gồm có năm câu hỏi. Hỏi về nhân, quả, kết danh tự, thể của răn bảo, đại khái đã nêu.

Sắp muốn giáo hóa, truyền thừa ngàn năm, đem lại lợi ích cho chúng sinh không thôi. Nhưng vì đạo không tự làm cho rộng lớn hơn mà nói chung là do ở con người. Cho nên câu hỏi thứ hai, từ “Cúi mong Đức Phật mở bày pháp sâu kín” cho đến “Thái bạch và sao Tuệ”, gồm mười câu hỏi. Hỏi thông qua pháp của Kinh và có thể thông qua người. Dù rằng về hai lý người, pháp rõ ràng có thể riêng khác, nhưng vẫn chưa nói rõ có ích rộng lớn, nên không do đâu thấm nhuần một cách nhạy

bén cho người học. Vì thế, nên câu hỏi thứ ba, từ “Thế nào là chưa phát tâm” cho đến “Đạo tối thắng vô thượng, gồm có mười chín câu hỏi, hỏi về thế lực của Kinh. Nếu luận chung thì ba nghĩa này cũng đủ thông suốt.

Nay, từ việc, từ nghĩa mới có riêng khác.”

Minh Tuấn nói: “Phán quyết về đại thể của câu hỏi, thế gian có sáu, chia làm ba đoạn:

1. Lược.
2. Rộng.
3. Khuyên tin.

Trong phần lược hỏi có tám câu:

1. Hỏi về nhân sống lâu.
2. Hỏi về quả sống lâu.
3. Hỏi về quả của thân Kim Cương.
4. Hỏi về nhân của thân Kim Cương.

Bốn câu hỏi này giải thích sơ lược về Bát-nhã, Pháp thân.

5. Hỏi về giải thoát.
6. Hỏi về oai lực của Kinh.
7. Hỏi về tên Kinh.

Sở dĩ y cứ tên Kinh để nói về thế lực của Kinh là để hỏi về sự giải thoát, gồm có hai nghĩa:

1. Kinh này lấy thường trụ làm tông chỉ, lấy dòng phiền lụy để làm tên phiền lụy. Cho nên vô thường là vì thường, không có phiền lụy.

2. Nói về giải thoát gần, xa đều do công đức của Kinh. Gần thì có khả năng dứt trừ được ba chướng trong nhân. Xa, thì có thể giải thích về sự giải thoát của quả Địa.

Vì cho nên hỏi: “Thế nào là đối với Kinh này? Tức là hỏi về danh, hỏi về năng lực. Rốt ráo đến bờ bên kia, tức là hỏi về giải thoát.

Phẩm Danh Tự dưới đây nói: “Nghe danh hiệu Kinh này, vang khắp bốn cõi, thì không có việc đó”, tức là năng lực gần. Lại nói: “Bồ- tát ở đây, tức là có khả năng thị hiện khắp mọi nơi, tức là năng lực xa. Chỉ nêu bảy điều lành để đáp danh hiệu Kinh. Hàng phục tất cả các phiền não kiết và các tánh ma. Sau đó, chủ yếu là đối với Đại Bát-niết- bàn, buông bỏ thân mạng, chính là đáp rốt ráo đến bờ kia”.

Lại nói: “Tám vị đầy đủ, chỉ nêu các câu như thường hằng... là giải thích về thế giải thoát.

Vì sao? Vì văn dưới trong phần nói về giải thoát, có nêu tám câu hỏi này, mỗi câu đều được giải thích rộng, sáng tỏ dễ nhận thấy.

Câu hỏi thứ tám là lưu thông y, như Kinh Nê-hoàn loại sáu quyển chép: “Bồ-tát hóa độ chúng sinh, nói pháp có bao nhiêu thứ? Mà thiếu sót, rơi rớt hoặc có trong đây. Nghĩa là nghĩa thật sự dễ. Nếu không lấy câu hỏi kia, thì y cứ vào vị của lời nói này cũng có nghĩa truyền bá câu hỏi.

Trong phẩm Danh Tự, Bồ-tát Ca-diếp hỏi: “Nêu gọi tên Kinh này là gì? Làm sao vâng giữ?” Chỉ thú của Kinh đó rõ ràng. Dưới đây, dùng phẩm bốn tướng để đáp.

Thứ hai là hỏi rộng, gồm mười sáu câu hỏi. Đầu tiên, dùng một câu hỏi, hỏi rộng về ba đức của quả địa. Văn dưới, dùng “Phẩm Bốn Tướng, Niết-bàn Hữu dư, Vô dư” cho đến “Giải thoát” để đáp câu hỏi này.

Kế là, có hai câu hỏi, truyền bá rộng, nói về người, về pháp, về tà. Chính là giải thích về phẩm Bốn Y, dùng chánh pháp, chánh nhân để làm y. Phẩm Tà, Chánh, bỏ người tà, pháp tà cho là ma.

Kế là, có bốn câu hỏi, nhân rộng bốn đế, bốn đảo. Hai câu hỏi chỉ nêu “Giải”, “Hoặc” để nói về trí, tức nói rộng về nhân duyên. Nghiệp lành khó thấy tánh. Hai câu hỏi chỉ nêu đầu cuối. Để nói về chánh nhân.

Kế là, có hai câu hỏi, hỏi rộng về tên Kinh, tức mãn tự và hạnh Thánh. Kế là, có bảy câu hỏi nói rộng về thế lực của Kinh. Bốn câu hỏi như chưa phát tâm v.v... ở trước là hỏi rộng về năng lực diệt ba chương của nhân địa. Sau, ba câu hỏi về thuyên sư v.v... giải thích rộng về quả địa. Muôn “Hoặc” dứt ở đây, rốt ráo giải thoát.

Thứ ba có mười hai câu hỏi nhằm khuyên tin, đồng với cách giải thích của Pháp sư Tăng Lượng: “Làm thế nào để được sống lâu?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Tựa đề Kinh này dù lấy giải thoát để tiêu biểu cho tên, nhưng nếu nói về thể tròn đầy của Kinh kia, thì tức là pháp thân, Bát-nhã. Vì thế, nên lập ra ngôn thuyết để hỏi, trước hết, lấy Bát-nhã làm đầu. Dù Bát-nhã này hoàn toàn, mà nghĩa gồm cả nhân quả. Ý ở nơi quả, không được không hỏi về nhân. Dù có hai ý, nhưng hợp chung thành một câu hỏi.

Sống lâu, nghĩa là một thọ nọ kỳ là thọ, sự dài lâu của thời kỳ là Trường. Quả thường không có kỳ hạn chỉ nói là dài thôi. Vì bàn về tuệ soi sáng vô cùng, tức là Bát-nhã.

“Thế nào là được?” Nghĩa là hỏi về nhân của tuổi thọ lâu dài kia.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây, đáp rằng: Tu bốn vô lượng, trao giới không giết hại làm nhân, được thể pháp tánh của mạng lâu dài

làm quả.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi này có hai:

Câu hỏi thứ nhất: “Thế nào là được?”

Câu hỏi thứ hai: “Tướng của quả sống lâu?”

“Thân kim cương bất hoại”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước hỏi về Bát-nhã, ở đây hỏi về pháp thân. Trên nói về vô tận, ở đây nói về không hư hoại, như kim Cương ở thế gian, thể của nó không thể hư hoại, nhưng có công năng làm tan hoại muôn vật, lấy ví dụ Pháp thân. Ba tướng không thể dời đổi. Vạn hóa của thân kia không làm đổi thay thể của nó.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Thể, tướng, thân mạng, thật ra không khác. Nói theo nghĩa thì chẳng thể không khác. Thân thích hợp với Pháp thể, mạng nói có đầu cuối, nên chia thành hai câu hỏi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là câu hỏi thứ ba, hỏi về quả của Pháp thân.”

“Lại nhờ đâu được năng lực vững chắc rộng lớn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu trên, đã hỏi về quả, câu dưới đây, hỏi về nhân. Văn dưới đây là đáp, lấy giữ gìn chánh pháp làm nhân.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Thứ tư là, hỏi về nhân của thân kim cương.”

*“Thế nào nói Kinh này?”*

*“Rốt ráo đến bờ kia?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Chỉ thú lớn của Kinh nhân quả đã rõ ràng, vẫn kết tên Kinh. Văn ở dưới nói: “Kinh này gọi là Đại Bát-niết-bàn. Cho nên nói rốt ráo là vì Kinh này có văn có lý. Văn để giải quyết lý, lý để thích hợp với văn. Văn lý phù hợp nhau, nghĩa không có thiếu sót, là nói Kinh rốt ráo. Đối với văn, lý, con người tu học thành Thánh. Quả Phật của thời hạn sau cùng, là nói mh rốt ráo. Y Kinh truyền bá, sẽ có đủ đức nào?”

Phẩm Danh Dự Công Đức ở trước, đã kết tên Kinh, mới là thành Kinh, mà Kinh thì phải có con người mở mang, chẳng phải đức thì không lưu truyền.

Phẩm Bốn Tướng, đầu tiên nói về lợi ích của truyền bá, tự thực hành, gồm mọi người, sau cùng thành Đại giác, bờ bên kia xán lạn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là câu năm, hỏi về tên Kinh, gồm cả ích lợi của việc thọ trì.”

*“Xin Phật mở sâu kín*

*Nói rộng chúng sanh nghe.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây có chín câu hỏi, là pháp môn rộng. Trong môn lược trên, nói về Bát-nhã, pháp thân. Ở đây, trong pháp môn rộng, nói về giải thoát. Ba đức đã hiển bày, chữ Y mới tròn đầy.

Mở rộng chỗ sâu kín, là nói rộng về hai thứ ẩn giấu của Như lai:

1. Lời nói ẩn giấu.

2. Hình dáng ẩn giấu.

Vì giáo xưa chưa rõ là nhiệm mầu, giải thích Thường là sâu kín.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là pháp môn rộng, gồm có mười sáu câu hỏi. Một câu hỏi này hỏi về công dụng của quả rộng. Quả, là pháp thân, Bát-nhã, giải thoát.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là câu hỏi thứ sáu, hỏi về pháp rộng lớn suốt qua. Dưới đây có mười câu hỏi, đều nối nhau mà nêu.”

*“Thế nào là rộng lớn*

*Làm y chỉ cho chúng?*

*Thật chẳng phải La-hán*

*Lượng đồng với La-hán.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong môn nói lược về nhân quả, kết tên Kinh, làm rõ việc truyền bá. Nay, trong môn rộng, chỉ nói về quả, không nói kinh, vẫn truyền bá chung, nên biết rằng, ý chỉ của nhân không ở nhân, chỉ lấy quả làm tông.

Phẩm Bốn tướng ở trên, nói về Bốn pháp. Trong phẩm này chỉ nêu người Bốn Y. Bốn tướng kia thì nhờ pháp nói về đức, phẩm này thì chỉ nêu địa vị, tiêu biểu cho người.

Đức Như lai là thể tôn quý cùng cực, là La-hán chân thật, Bồ-tát là tướng tự La-hán, chỉ cho dấu vết của đáng Đại sĩ cao siêu, cách con người rất xa, khó phân biệt biết rõ, nên mới y cứ ở bốn quả, phưởng phất nơi tâm, sao cho người ấy được nhận thức.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây thường có bốn câu hỏi đều truyền bá rộng. Đây là một câu hỏi, hỏi rằng: “Đức của con người truyền bá, so lường cao hay thấp? Là đáp phẩm Bốn Y.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là câu hỏi thứ bảy: “Nên nói đâu thừa nhận giai vị của người, có khả năng được kinh rộng lớn, có thể làm chỗ nương tựa, tuy là Bồ tát mà địa vị ngang hàng với Thanh văn?”

*“Làm sao biết ma trời*

*Làm trở ngại cho chúng?*

*Phật nói, Ba-tuần nói*

*Làm sao phân biệt biết?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Muốn có pháp ra đời thì phải nhận thức tà, chánh. Ma trời, ngoại đạo thường gây trở ngại, rối loạn Phật pháp. Chúng giả dạng với thuyết ngụy tạo, nhằm mê hoặc những ai chưa thấu suốt chánh pháp. Những người được chúng cảm hóa, sống lâu dài trong sinh tử. Ngay bây giờ, bốn y ra đời, ngăn cấm ma, mở mang đạo.

Trước kia nói: “Ma trời phải nhận thức, chứ không phải nói”. Chớ cho rằng ma nói, Phật nói. Về lý, có phân biệt rõ ràng. Chính vì thế, nên nhờ lời nói để xem xét tà chánh.”

*“Thế nào các Điều Ngự*

*Vui mừng noi chân đế?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Rộng thì nghĩa nhân ở trước.

Ở trên, đáp nhân Bát-nhã, là mười thiện bốn đấng v.v... Nhân của pháp thân, nghĩa là hộ pháp. Đây là nhân quả tương tự. Nay, y theo môn rộng, nhờ cảnh để nói. Vì sao? Vì nếu gồm thấu khắp nhân của pháp thân kia thì có đến bốn muôn tám ngàn. Nói lược thì, không ngoài trí tuệ. Do trí tuệ sinh ra thì sinh ở cảnh. Vì cảnh có sâu, cạn, nên giáo có Thiên viên, kiến giải cũng tùy ở giáo. Đức Như lai đầu tiên mở ra bốn đế, chỉ nói là khổ là tập, chưa nói khổ, tập bất sinh. Đến giáo Bát-nhã mới hiển bày bất sinh, đến thời Pháp hoa, tướng khổ, tập vẫn còn dừng lại ở ba cõi. Ngày nay, nói một mảy may “Hoặc” khởi, tức là vô

minh trụ địa,

cho đến Kim cương khổ cũng như thế. Ngày xưa nói diệt dứt ở thân trí. Diệt đã hữu dư, đạo cũng chưa hiểu rõ. Giáo không rốt ráo, sinh giải cũng nghiêng lệch. Vì hiểu biết nông cạn thêm nhỏ nhoi, nên tâm Thánh không vui.

Ngày nay, đã nói, giáo viên, lý đủ. Sinh giải cũng sâu xa, công mở rộng được biểu dương, tâm vui mừng nói nghĩa.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là hỏi về cảnh thứ chín.

*“Đủ thành tựu chánh thiện*

*Giảng nói bốn diên đảo.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trên, chỉ nêu cảnh để thành tuệ. Nay, nêu ra “Hoặc” để hình dung về giải. Sở dĩ như thế là vì “Giải” “Hoặc” đều do giáo. Giáo xưa đã nghiêng lệch thì giải cũng trái ngược, đâu có chánh thiện ư?” lại nói: “Đế là khác thì Đảo cũng khác. Vì lý thú tương quan với đầu mối, nên lại phải nói.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hai câu hỏi này, hỏi về giáo trở xuống lý được nói, có chân, ngụy. Bốn Đế nói về chân, bốn đảo nói về ngụy. Vì muốn cho người học nhận thức về sự đúng sai của chân, ngụy kia,

nên nếu gọi là bốn đế thì tất nhiên là bốn đảo, ngữ hợp với tám đảo, thì đó là ma.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi thứ mười này trái với tướng lý.”

*“Làm việc lành thế nào?”*

*Nay Đại tiên dạy bảo.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Nghiệp lành bắt đầu này là nhân cùng cực. Trước nói về trì giới, hộ pháp, chưa làm nhân tích cực. Nếu chiếu giải tròn sáng thì mới gọi là Nghiệp lành. Căn cứ vào văn đáp về nghiệp lành, tự có năm lớp sinh nhau, sẽ trình bày rõ ràng ở văn dưới.

Một lớp này nói: Nếu sinh niềm tin ở tánh, là chỗ bắt đầu nghiệp lành.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là câu hỏi thứ mười một, hỏi về lý Phật tánh. Nếu chúng sinh không có ngã, thì một lần hóa độ là hết, cần gì được chấn hưng nghiệp lành để hưởng về quả lành?”

*“Thế nào các Bồ-tát*

*Thấy được tánh khó thấy?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Cũng là nói lớp thứ hai, nhằm làm rõ nghiệp lành sau cùng của thấy tánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Hai câu hỏi thứ mười, mười một, là nhân rộng v.v... trở xuống, lời đáp của phẩm Như lai Tánh. Thực hành nghiệp lành là duyên nhân. Trong lời đáp lý do ở trước. Nói về chánh nhân, nghĩa là muốn nói về phương pháp lập tâm của người tu hành. Nếu nói về tánh nhận thức nhân quả thì thực hành sẽ thành Trung đạo. Nếu thực hành Trung đạo thành thì muôn điều lành chính là cây. Vì thế, nên đáp thực hành chánh nhân Trung đạo, tức là “Duyên” nhân.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi thứ mười hai: “Bậc Đại sĩ ở địa nào có khả năng chiếu lý của tánh quả đương lai?”

*“Làm sao hiểu được nghĩa*

*Mãn tự và bán tự.*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là lớp thứ ba, lưu thông rộng, là dụng của Kinh, có văn, có lý.

Trong phần lược câu hỏi ở trên, kết tên Kinh, gọi là Đại Niết-bàn. Lại, pháp bảy thiện, khen lý của văn này. Nay, một phẩm Văn tự, trước là tác dụng của văn rộng. Văn Kinh dùng mười bốn âm làm gốc của các âm. Cho nên nói bán, mãn là vì giáo có Thiên, Viên do căn cơ có đầu mỗi thứ lớp. Đức Như lai đã khéo được sự thích nghi đó, nên nói “Khéo hiểu rõ mãn tự và bán tự.



Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là chín câu hỏi công đức của văn tự rộng v.v... trở xuống, thuộc về lý. Đây là câu hỏi thứ mười hai. Trước quyết định văn tự Kinh ấy. Phẩm Văn Tự ở dưới là đáp.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là ý của câu hỏi thứ mười ba. Nếu tên “Ngã” bắt đầu từ Đức Phật thì ngoài ra, danh tự khác sẽ do ai ư?”

*“Thế nào Thánh hạnh chung  
Như chim Bà-la-ca?  
Thế nào là ân Đế?  
Như nhật nguyệt, Thái bạch  
Với năm, tháng thì sao?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là lớp thứ tư, lưu thông rộng. Làm công dụng của lý không ngoài thường và vô thường. Ứng với chân, giáo này, nói về tám lý đối nhau, lẽ ra trừ tám đảo. Sự đồng với trong văn tẩn (chim đực), mẫu (chim cái), chỉ xếp vào sáu hành, vì sơ lược. Như mặt trời, mặt trăng, nghĩa là bốn ví dụ này là lý do trở thành chân, ứng, nhật, nguyệt lên trời thì muôn vật sẽ được trong thấy ở đây. Đây là chỉ nêu riêng chân, ứng, để nói về đức tự tại.”

*“Vì sao chưa phát tâm?  
Mà gọi là Bồ-tát.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây là mười chín câu hỏi khen ngợi Kinh, bảy câu đầu tiên là hỏi khen sơ lược. Bốn lời khen trước, là nhân ích, ba lời khen sau, là quả ích. Kinh nói có người có thể chưa phát tâm, gắng gượng khiến họ phát tâm, nếu hoặc có người được nghe từ Chư Phật, Bồ-tát mà không sinh niềm tin, sắp trở thành Xiển-đề. Do oai lực của Kinh, nằm mộng thấy những việc xấu ác, thì liền phát tâm thực thành hạnh Bồ-tát.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Căn cứ vào nghĩa có công năng diệt ác sinh thiện:

*“Thế nào giữa đại chúng  
Mà được không sợ hãi  
Như vàng Diêm phù đàn  
Không ai nói dối chúng.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã bắt buộc phải phát tâm để trở thành Bồ-tát, tức là trên cầu tuệ Phật, dưới độ chúng sinh, nghiệp công đức trở nên vượt hơn. Về lý, không còn phải sợ ma trời, ngoại đạo và các dị học nữa!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sau khi dứt ác thành ruộng phước thanh tịnh.”



Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi thứ mười bảy hỏi về oai lực của Kinh có công năng dứt trừ nghiệp chướng.”

“Thế nào ở đời trước chẳng như như hoa sen, để giáo hóa chúng sinh, không bị pháp đời nhiễm cũng giống như hoa sen?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tín, tuệ khai phát, không còn che lấp Thánh đạo.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi thứ mười tám hỏi về oai lực của Kinh có công năng tiêu diệt báo chướng.”

*“Thế nào là phiền não?  
Phiền não không thể nhiễm  
Như thầy thuốc trị bệnh  
Không bị bệnh làm nhiễm.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước thì suốt qua nhân quả, nay, lời nói nghiêng lệch vì bệnh nặng, cho nên không dễ gì cứu chữa mà Bồ-tát vẫn cứu. Trước kia chỉ nói không như, nay, nói đối trị “Hoặc”, như ví dụ thầy thuốc”.

Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi thứ mười chín hỏi về oai lực của Kinh có công năng diệt trừ chướng phiền não.”

*“Thế nào là lái thuyền  
Ở trong biển sinh tử?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Bốn câu hỏi trên, nói về oai lực của Kinh, khi người chưa phát tâm, khiến cho Bồ-tát có khả năng làm thầy thuốc. Dù chưa thành Phật mà ở ngay trong nhân, đã có khả năng làm lợi ích. Đây là nói về quả giúp ích lời nói, nhờ Kinh mà tu hành, cuối cùng thành Phật. Sau khi đã được thành Phật, lại lái thuyền Đại Niết-bàn này để đón rước, cứu giúp chúng sinh.

*“Thế nào thoát sinh tử  
Như rắn lột da cũ?”*

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước kia nói: “Lái thuyền Niết-bàn, chúng sinh thấy kia diệt, thật ra thì không diệt, vì nhận thức cạn cợt nên chưa tỏ ngộ.

Dùng ví dụ đời đời để làm rõ, như rắn lột da, chẳng phải chết thật. Đức Như lai cũng thế, thị hiện diệt, không phải Phật thật, mượn để làm dụ.”

*“Vì sao xem Tam bảo  
Cũng như cây thiên ý?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu đối với người đã hiểu biết thì không cần ví dụ đời đời, chỉ tỏ ngộ có trước sau, đến nỗi có người nghi

giặt áo mau bằng nước sôi. Ngờ vực rằng, hiện thấy Đức Như lai bắt đầu giáng sinh ở cung vua, cuối cùng nhập diệt ở Song thọ, chẳng lẽ nói là bất diệt ư? Nên mượn ba việc đổi thay của cây Thiên ý để làm thí dụ.”

*“Nếu ba thừa vô tánh  
Thì làm sao nói được  
như niềm vui chưa có  
làm sao gọi thọ vui?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây có mười hai câu hỏi, khen rộng về Kinh. Dựa vào Kinh giáo của ba thừa, để nói về vô tánh của ba thừa. Mỗi thừa đều có Niết-bàn, rốt ráo có tánh khác, không chấp nhận đồng. Nếu ba thừa kia không có tánh thì vì sao ở trên đáp với Thuần-đà là sắc lực của mạng là thường, quả thường không có sai lầm, hễ “Có” thì “Đều có”, còn “Không” cũng “Đều không”. Nếu tánh của ba thừa kia là “Không” thì trước kia không nên nói, nếu ba thừa kia đã có, mà có thì quá sớm. Trong nhân không có quả, trong quả không có nhân, mà nói là có, tức là niềm vui chưa phát sinh, đã gọi là thọ vui. Vì thế, nên Bồ-tát Văn-thù đã vượt ngoài nỗi ngờ vực của Thuần-đà là ở đây.

Y theo lời Phật đáp dưới đây: “Vì có lý nên chẳng thể nói là “Không có”, vì chưa có tác dụng hiện tại, nên không thể nói là “Có”. Đây là ba thừa đồng tánh có.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây có mười câu hỏi để giải quyết nghi ngờ, khuyên tin.”

*“Đã là mù bẩm sinh  
Làm sao chỉ đường được?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Theo phần khen rộng Kinh, cũng có nhân ích, quả ích, về nghĩa thì không khác với trước. Đã hiểu biết chính đáng, lại hóa độ người ngu tối, làm sao cho họ được mở mắt tuệ, cũng như dùng người có mắt để dẫn đường người mù.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là nói quả nội tại, khuyên tin. Nếu không thấy Kinh này thì cho dù có ở chung đi nữa, như người mù bẩm sinh kia, vẫn không biết là nhân của Đức Phật.”

*“Thị hiện nhiều đầu kia  
Xin Phật giải lý do?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Bắt đầu là trong nhân, mở mắt tuệ cho người, sau cùng là thành Phật, sắp sửa ứng không có phương hướng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Y theo sự ứng hiện để khuyên tin.”

*“Vì sao người nói pháp*

*Thêm lớn như trăng mọc?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước, hỏi về nhiều đầu, là hỏi về “Thân mật”. Nay, hỏi người nói pháp, là hỏi về “Khẩu mật”. Căn cơ có lợi, độn, giáo có sâu, cạn.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Xem Đức Phật như cha mẹ, không xem thường con, tùy căn tánh để nói pháp mà khuyến tin.”

*“Thế nào là thị hiện*

*Rốt ráo đối Niết-bàn?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước nói về lợi ích của quả không ở một vị Phật. Nay, y theo Đức Thích-ca để giải thích về diệt không diệt, tức là nghĩa chèo thuyền Niết-bàn, để cứu giúp chúng sinh.

Văn dưới, nhân phát ra ánh sáng, đôn đốc Thuần-đà cúng dường. Nói mười ba bài kệ, để nói về không diệt.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Câu hỏi thứ hai mươi tám nói xa thấy đại chúng, thấy Đức Phật thọ thực, rồi cho là chết thật sự, nên hỏi về nghĩa ứng tích diệt, không diệt.”

*“Thế nào bậc Dũng kiện*

*Hiện trời, người, ma đạo.”*

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Giáo nghiêng lệch của ngày xưa, nói thật vô thường nốt kín trong thường, người mê lầm đánh mất chỉ thú, tuệ mạng chẳng sinh, đó là đường ma. Nay, Viên giáo đã mở mang, sinh ra kiến giải tròn đầy, cuối cùng thành Đại giác, đây là đạo trời.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây thường có bốn câu hỏi, hỏi về chứng chung sự rốt ráo. Một câu hỏi này, tức chứng sự vị lai một cách hoàn tất, vì chúng sinh ở vị lai, Đức Phật mở bày hai môn tà, chánh rồi. Đến hiện tại hôm nay lại không có sự.”

Pháp sư Đàm Tiên nói: “Văn dưới cho rằng: Nếu có người không thể quán rõ Tam bảo là thường như thế, người ấy chính là Chiên-đà-la, tức là đường ma, khác với đường ma này, gọi là đạo trời.”

*“Làm sao biết pháp tánh*

*Mà thọ hưởng pháp lạc.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói hai đường trời, ma, đại chúng hiểu biết tầm tối, được pháp thấm nhuần, tâm sinh vui mừng, sự do giáo nay.” Pháp sư Đàm Tiên nói: Văn dưới chép bấy giờ các trời, người đại chúng nghe pháp này rồi tâm sanh vui mừng, hơn hở vô lượng, đó tức là pháp lạc, để đáp câu hỏi này.

Thế nào là các Bồ tát xa lìa tất cả bệnh.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: Trước nói vô diệt, ở đây nói vô bệnh phẩm Hiện bệnh ở dưới nói rộng về sự không thật của bệnh.

Pháp sư Đàm Tiên nói: Văn dưới nói: Nay thấy các Bồ tát thể mạo đều khác lạ, rất lớn rất mâu nhiệm. Chỉ thấy thân Phật dụ như cây thuốc, được các Bồ tát vi nhiễu chung quanh, đó là trong ngoài vô tịnh, để đáp câu hỏi này.

Thế nào là vì chúng sanh mà bày nói chỗ bí mật?

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: Ngày xưa mật ngữ, sanh ra sự chấp lầm cho mọi người, nếu không có giáo nay, thì do đâu mà thông đạt cùng khắp. Giải thích rộng lời nói ẩn chứa của Phật, giảng rõ ý chí sâu xa, sanh ra hiểu biết nhờ kinh, cũng khen ngợi giáo.

Pháp sư Đàm Tiên nói: Ở dưới là văn nay, Như lai muốn làm ngọn đèn sáng lớn cho vô lượng chúng sanh đời vị lai, nên giảng nói kinh Đại niết bàn như thế, để đáp câu hỏi này.

Vì sao nói rất ráo và không rất ráo, dứt nghi như thế vì sao không có thuyết nhất định.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: Giáo xưa nói hai hạng người bị bệnh thì không trị được, điều mà kinh này nói đều có thể trị được, do tăng lực thù thắng của kinh, cũng khen ngợi giáo.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về ba hạng người: Xiển-đề, năm tội nghịch, chê bai chánh pháp, rất ráo không thể thấu suốt. Bồ-tát rất ráo có thể bỏ hàng Thanh văn. Gặp bạn lành thì tiến, không gặp thì lùi, là nói không rất ráo. Dưới đây nửa bài kệ còn lại, lại thỉnh Đức Phật giải thích.”

Pháp sư Đàm Tiên nói: “Văn dưới có bài: “Kệ khác v.v..., nói hữu dư, tức không rất ráo, vô dư tức là rất ráo”, đáp câu hỏi này.

Kết đáp: “Chỉ trừ trợ đạo, pháp lành thường vui, ngoài ra tất cả, là hữu dư, vô dư.

*“Thế nào mới được gần  
Đạo tối thắng vô thượng?”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Bắt đầu là trị tội, sau cùng là oai lực, đức độ của Bồ-tát càng cao gần với cảnh cùng cực, đều do oai lực của Kinh. Trong Kinh này đều chỉ bày giáo nay, có khả năng mở rộng hiểu biết một cách tròn đầy, chúng sinh không có nghi ngờ, là lợi ích rõ rệt của Kinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ở đây nói về năm hạng người Hữu Học, từ bốn thời giáo đến Kinh hiện nay, dạy phát sinh niềm tin đối với nhân quả, sẽ được gần đạo Vô thượng.”

---

Pháp sư Đàm Tiên nói: “Văn dưới chép: “Bấy giờ, đại chúng dâng các thứ phẩm vật cúng dường Đức Như lai xong, liền phát tâm đạo Vô thượng. Vô lượng Bồ-tát an trụ sơ địa, tức là gần với đạo Vô thượng”, đáp câu hỏi này.”

*“Nay con thỉnh Như lai  
Vì các vị Bồ-tát  
Giảng nói pháp sâu xa  
Các hạnh mâu nhiệm thầy.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là văn thứ ba trong bốn lớp văn. Trước nói về nhân quả: Một là chỗ chỉ quy của Kinh đã rõ rệt; hai là khen ngợi giáo. Nay nói dựa vào Kinh tu hành, nhận lấy quả thường, cũng muốn cho tín chúng lặn lội tìm cầu, sẽ được kính mến khôn phép trước, muốn cho câu văn của luận đều hợp nhau. Trước nói trong quả, cũng nói về nhân, nay văn giải thích nhân, đồng thời cũng nói về quả, cho đến nói về cảnh, cũng nói về hạnh, cũng nói về cảnh. Đây là văn Kinh đáp đối lẫn nhau, tương tự không phân biệt, nhưng chủ yếu phải tìm cầu giếng nói của cảnh, hạnh kia, cũng đều tồn tại.

Nguyện vì nói pháp sâu mâu nghĩa là hạnh, nguyện của Thập địa, người Nhị thừa chẳng quan hệ, nên nói là sâu xa, chỉ vì hạnh có cạn sâu. Cạn thì nói là hạnh, sâu là công đức rõ ràng. Công đức với hạnh, rộng lược dù khác, nhưng nghĩa của nhân không khác.”

*“Đối tất cả các pháp  
Đều có tánh an vui  
Cúi xin bậc Đại tiên  
Phân biệt dạy chúng con.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói cái do: “Hạnh sinh ra, phải do cảnh. Sự nhiệm mâu trong cảnh, không gì hơn Phật tánh. Sự tử rống là lược, Ca-diếp là rộng.

*“Y chỉ lớn chúng sinh  
Thuốc hay Lương Túc Tôn! v.v... cho đến  
Cảnh giới của Chư Phật.”*

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu hỏi, đã xong, sẽ tự gồm thấu thoái lui. Các ấm nghĩa là trên đến Chư Phật, dưới cùng khắp chúng sinh, năm đường người, trời. Thánh giáo khác nhau, chỉ thú này rất sâu sắc, mà vẫn chưa thấu suốt. Về lý, nên thưa hỏi, chỉ vì tình cạn, trí kém, nên không dám thưa hỏi, đâu chỉ con đã không dám, cho đến tình tấn đến bát trụ trở lên, có ba hạng không lui sụt, cũng không phải cảnh giới của họ cho nên chẳng dám hỏi”.